

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**



BÁO CÁO TÓM TẮT

ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

TÊN ĐỀ TÀI:

**NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA GIÀ HÓA DÂN SỐ ĐẾN
TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM**

Mã số: T2019 – 04 - 47

Chủ nhiệm đề tài: ThS. TRẦN KHÁNH LINH

Đơn vị chủ trì: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế

Đà Nẵng, tháng 12 năm 2019

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**



BÁO CÁO TÓM TẮT

ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

TÊN ĐỀ TÀI:

**NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA GIÀ HÓA DÂN SỐ ĐẾN TĂNG
TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM**

Mã số: T2019 – 04 – 47

Xác nhận của Trường

(ký, họ tên, đóng dấu)

Chủ nhiệm đề tài

(ký, họ tên)

ThS. Trần Khánh Linh

Đà Nẵng, tháng 12 năm 2019

DANH SÁCH NHỮNG THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI:

Họ và tên	Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn	Nội dung nghiên cứu cụ thể được giao
Trần Khánh Linh	Khoa Kinh tế	Chủ nhiệm đề tài
Lê Minh Hiếu	Khoa Kinh tế	Thư ký

ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH:

Tên đơn vị trong và ngoài nước	Nội dung phối hợp nghiên cứu	Họ và tên người đại diện đơn vị
Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng.		

Mẫu 21. Thông tin kết quả nghiên cứu đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở bằng tiếng Việt

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài: Nghiên cứu ảnh hưởng của già hóa dân số đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam
- Mã số: T2019 – 04 – 47
- Chủ nhiệm đề tài: ThS. Trần Khánh Linh
- Tổ chức chủ trì: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng.
- Thời gian thực hiện: Tháng 01/2019 – Tháng 12/2019

2. Mục tiêu:

Đề tài nghiên cứu ảnh hưởng của già hóa dân số đối với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam để từ đó đề xuất các hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong bối cảnh già hóa dân số.

3. Tính mới và sáng tạo:

Đề tài đã phân nào mô tả được một cách chi tiết về thực trạng già hóa dân số đang diễn ra ở Việt Nam; đồng thời lượng hóa được tác động của già hóa dân số lên tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Từ đó, đề tài đã đề xuất các hàm ý chính sách để hỗ trợ cho chính phủ Việt Nam trong quá trình chuẩn bị và thích nghi với bối cảnh già hóa dân số một cách thành công nhất.

4. Kết quả nghiên cứu:

Bằng phương pháp thống kê mô tả, nghiên cứu đã cho thấy: Già hóa đã và đang diễn ra vô cùng nhanh chóng và có mặt rộng rãi trên khắp Việt Nam. Lực lượng người già trong cơ cấu dân số đang ngày càng gia tăng, cả về số lượng lẫn tỷ lệ phần trăm. Không những thế, tốc độ và mức độ thay đổi trong cơ cấu dân số ở Việt Nam được đánh giá là rất đáng kinh

ngạc. Đáng lưu ý hơn, sự chuyển đổi về mặt dân số này diễn ra trên hầu hết mọi tỉnh/thành, khu vực của Việt Nam chứ không chỉ tập trung ở một số khu vực.

Bằng cách áp dụng mô hình véc tơ hiệu chỉnh sai số (VECM), tác giả đã đi đến kết luận rằng: Trong khi già hóa dân số ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong ngắn hạn, nó thực ra lại có thể giúp thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế trong dài hạn. Trong số các nghiên cứu hiện tại về chủ đề tương tự, phát hiện của tác giả ủng hộ quan điểm rằng già hóa dân số có thể có cả tác động tiêu cực và tích cực đến sự phát triển của một quốc gia.

Để có thể tận dụng được những lợi ích tiềm năng và giảm thiểu những hậu quả bất lợi từ già hóa dân số, tác giả đã đề xuất bốn giải pháp chính về cải cách chính sách: cải thiện tỷ lệ tham gia lực lượng lao động, gia tăng nguồn vốn nhân lực thông qua giáo dục và đào tạo, các chính sách về y tế và hệ thống an sinh xã hội. Tác giả tin rằng những cải cách này sẽ giúp ích cho Việt Nam trong việc thích nghi thành công với việc dân số đang không ngừng già hóa.

5. Sản phẩm:

Đề tài đã cho các sản phẩm sau:

- Về sản phẩm khoa học: Đề tài đã cho ra một bài báo khoa học, đạt yêu cầu về khoa học.
- Về sản phẩm ứng dụng: Đề tài đã cho ra hai sản phẩm ứng dụng là 2 báo cáo chuyên đề với các chủ đề sau:

+ Báo cáo chuyên đề 1: “Thực trạng già hóa dân số tại Việt Nam”.

+ Báo cáo chuyên đề 2: “Hàm ý chính sách để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh già hóa dân số ở Việt Nam”.

6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:

- Phương thức chuyển giao:

Toàn bộ kết quả nghiên cứu sẽ được chuyển giao cho Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng. Đồng thời, kết quả của đề tài cũng sẽ được công bố trên các tạp chí, kỷ yếu khoa học.

- Địa chỉ ứng dụng: Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng.

- Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:

+ Nghiên cứu này có lợi ích kinh tế-xã hội to lớn khi thông báo và nâng cao nhận thức của người dân và chính phủ Việt Nam về vấn đề già hóa dân số cũng như giúp mọi người hình dung tác động của nó đến sự phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam với một kết quả định lượng cụ thể. Nó còn là tài liệu tham khảo đối với các sở ban ngành cho việc thiết kế chính sách phù hợp giúp góp phần phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam trong bối cảnh già hóa dân số.

+ Kết quả nghiên cứu sẽ đóng góp vào trong các nghiên cứu thuộc lĩnh vực tăng trưởng kinh tế và dân số, đặc biệt là già hóa dân số. Đây còn là tài liệu tham khảo và đối chiếu cho các nghiên cứu tiếp theo sau này có các đề tài tương tự.

+ Kết quả nghiên cứu còn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giảng viên và sinh viên ngành Kinh tế, đặc biệt cho các môn học: Kinh tế phát triển; Dân số và phát triển, Kinh tế lao động...

Ngày 25 tháng 11 năm 2019

Đơn vị chủ trì

(ký, họ và tên)

Chủ nhiệm đề tài

(ký, họ và tên)

ThS. Trần Khánh Linh

INFORMATION ON RESEARCH RESULTS

1. General information:

Project title: Studying the effects of population ageing on Vietnamese economic growth

Code number: T2019 – 04 – 47

Coordinator: MSc. Tran Khanh Linh

Implementing institution: Faculty of Economics, The University of Economics – University of Danang

Duration: from January 2019 to December 2019

2. Objective(s):

The research thesis aim to study about the effects of population aging on Vietnamese economic growth and from then will try to propose some policy implications to help promote Vietnamese economic growth in the context of population ageing.

3. Creativeness and innovativeness:

The study has described in detail the situation of population ageing taking place in Vietnam; as well as quantified the impact of population ageing on Vietnamese economic growth. Based on these results, the thesis has proposed some policy recommendations to support the Vietnamese government in the process of preparing and adapting to the context of population ageing in the most successful way.

4. Research results:

By using descriptive statistical analysis, the study has shown: Population ageing has been taking place very quickly and is widely available throughout Vietnam. The elderly group in the population is increasing, both in quantity and percentage. Furthermore, the speed and the extent of change in the population structure in Vietnam is considered to be incredible. More notably, this demographic transition takes place in almost every province / region in Vietnam, not just in some areas.

By applying the vector error correction model (VECM), the author came to the conclusion that: While population ageing negatively affects Vietnamese economic growth in the short term, it can actually help boost economic growth in the long run. Among the current studies on the same topic, the author's findings support the viewpoint and conclusion that population ageing can have both negative and positive effects on a country's development.

In order to make use of the potential benefits and minimize the adverse consequences of population ageing, the author has proposed four main solutions for policy reforms: improving labor force participation rate, increasing human capital through education and training, policies on health and social security systems. The author believes that these reforms will help Vietnam to successfully adapt to the population that is continuously ageing.

5. Products:

The thesis has the following products:

- Regarding scientific products: The research has produced a scientific paper, meeting the scientific requirements.
- Regarding applied products: The topic has produced two applied products, which are 2 seminar reports with the following topics:
 - + Seminar report 1: "Current situation of population ageing in Vietnam".
 - + Seminar report 2: "Policy implications to promote economic growth in the context of population ageing in Vietnam".

6. Transfer alternatives, application institutions, impacts and benefits of research results:

- Transfer alternatives:

All research results will be transferred to the University of Economics – University of Danang. Meanwhile, the results of the topic will also be published in journals and scientific proceedings.

- Application institutions: The University of Economics – University of Danang.

- Impact and benefits of research results:

+ This study has great socio-economic benefits by informing and raising the awareness of the Vietnamese people and government about population ageing as well as helping people visualize its impact on the socio-economic development of Vietnam with a specific quantitative outcome. It is also a reference sources for authorities to design appropriate policies to help contribute to the socio-economic development of Vietnam in the context of population ageing.

+ Research results will contribute to studies in the field of economic growth and population growth, especially population ageing. This is also a reference and collated source for subsequent studies with similar topics.

+ Research results can also be used as reference for lecturers and students majoring in Economics, especially for the subjects of: Development Economics; Population and Development, Labor Economics..

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Già hóa dân số đề cập đến sự chuyển dịch cơ cấu dân số theo hướng tỷ lệ người cao tuổi ngày càng tăng cao. Bản thân dân số trên thế giới đang ngày càng già đi. Dự báo của tổ chức Liên Hợp Quốc chỉ ra rằng số lượng người từ 65 tuổi trở lên trên thế giới sẽ đạt hơn 1.4 tỉ người, tương đương 15.6% tổng dân số vào năm 2050. Với sự tồn tại của nó quan sát được ở hầu hết mọi quốc gia và mọi khu vực trên thế giới, hiện nay già hóa dân số có thể được coi là một hiện tượng toàn cầu. Thậm chí, một số nhà kinh tế còn nhận định rằng: Trong khi thế kỷ XX là thời đại tăng trưởng dân số bền vững, thế kỷ hai mươi mốt này sẽ là kỷ nguyên của dân số già.

Không nằm ngoài xu hướng toàn cầu này, mặc dù thuộc một trong số những quốc gia có tỉ lệ sinh tự nhiên cao, nhưng Việt Nam cũng đang trải qua những thay đổi tương tự trong cơ cấu dân số. Lượng người cao tuổi ở Việt Nam đang gia tăng ở mức cao, cả về mặt tương đối lẫn tuyệt đối. Nguyên nhân đằng sau những thay đổi trong cơ cấu dân số này được cho là do sự kết hợp của các yếu tố: tỷ lệ sinh và tỷ lệ tử vong giảm, cùng với tuổi thọ trung bình gia tăng ở Việt Nam. Một điều đáng lưu ý là: tốc độ già hóa đang diễn ra ở Việt Nam được nhận thấy là vô cùng nhanh chóng so với các nước khác trong khu vực châu Á cũng như trên thế giới. Nếu như các dự báo trước đây cho biết Việt Nam sẽ chỉ chạm đến mốc “đang già hóa” vào năm 2017 với hơn 7% dân số (tương đương 6,5 triệu người) từ 65 tuổi trở lên thì các báo cáo chính thức lại cho thấy Việt Nam thực chất đã chính thức tiến vào giai đoạn này từ năm 2011 khi gần 10% dân số Việt Nam thuộc nhóm 60 tuổi trở lên – nghĩa là sớm hơn 6 năm so với dự kiến. Với tốc độ này, Việt Nam sẽ chỉ cần thêm khoảng 20 năm nữa để chạm đến ngưỡng tiếp theo - “đã già hóa” – một khoảng thời gian dự kiến thuộc vào hàng ngắn nhất trên thế giới. Thái Lan và Trung Quốc, hai quốc gia châu Á cũng cần một khoảng thời gian dài hơn - 21 năm và 25 năm. Trong khi đó, một quá trình chuyển đổi tương tự đến 50 tới 100 năm, thậm chí lâu hơn cho các nước phương Tây và các nước thuộc khối OECD. Điển hình, nước Anh có thời gian là 45 năm, Mỹ là 69 năm và Pháp là 115 năm. Như vậy, nếu theo đà này, đến trước năm 2050, rất có thể Việt Nam sẽ tiến tới một xã hội “siêu già hóa”, với hơn 1/5 dân số cả nước sẽ trong độ tuổi 60 trở lên.

Hiện tượng già hóa dân số đang xảy ra nhanh chóng như hiện nay chắc chắn sẽ mang đến rất nhiều thách thức cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Trong đó, có rất nhiều mối quan ngại sâu sắc về tác động của già hóa dân số đến tăng trưởng kinh tế và sự bền vững tài khóa của đất nước. Hơn thế nữa, tốc độ chuyển dịch cơ cấu dân số đáng kinh ngạc này có thể trở nên thách thức hơn cả với Việt Nam khi mà, với một tốc độ già hóa ở mức cao trong khi tình trạng thu nhập vẫn ở mức cận dưới của trung bình, Việt Nam sẽ phải đối mặt thêm với vấn đề “già đi trước khi làm giàu”. Điều này chắc chắn sẽ tạo nên nhiều vấn đề hơn so với các quốc gia đã phát triển khác. Do đó, nếu không có những biện pháp ngăn ngừa phù hợp, hiện

tượng này rất có thể sẽ tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực nghiêm trọng lên sự phát triển dài hạn của Việt Nam.

Bên cạnh đó, già hóa dân số cũng không phải lúc nào cũng tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế. Nói cách khác, nếu được kiểm soát tốt, sự chuyển dịch trong nhân khẩu học đang diễn ra ở Việt Nam thực chất có thể mang đến một cuộc sống dài lâu và thịnh vượng cho người dân Việt Nam. Tức là, già hóa dân số, khi được ứng phó bằng những chính sách chủ động và thích hợp bởi chính phủ và người dân của một quốc gia để có thể giảm bớt đi những hậu quả tiêu cực, đồng thời tận dụng được những lợi ích nó mang lại, sẽ giúp hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Do đó, việc chính phủ Việt Nam phát triển các chính sách nhằm chuẩn bị cho một sự chuyển đổi hiệu quả và đảm bảo rằng nó sẽ tạo thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế thay vì cản trở nó là vô cùng cần thiết, đặc biệt là trong dài hạn.

Tuy nhiên, nếu không có những nghiên cứu thích hợp để hiểu rõ hơn về bản chất cụ thể của hiện tượng già hóa dân số đang diễn ra ở Việt Nam cũng như có những phân tích định lượng đầy đủ và thỏa đáng về mối quan hệ giữa già hóa dân số và tăng trưởng kinh tế, cụ thể hơn là liệu già hóa dân số có cản trở hay thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam hay không, chính quyền Việt Nam sẽ rất khó để có thể thiết kế ra những chiến lược cải cách chính sách phù hợp để đối phó với hiện tượng này trong tương lai gần. Vì vậy, nghiên cứu về xu hướng già hóa dân số và tác động của nó đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam là vô cùng cần thiết nhằm giúp chính phủ có những chính sách phù hợp và kịp thời để giải quyết các vấn đề mà hiện tượng này mang lại. Tuy nhiên, hiện tại, số lượng nghiên cứu toàn diện về hiện tượng già hóa dân số và ảnh hưởng của nó đối với tăng trưởng kinh tế cũng như “những kênh” mà qua đó nó đang diễn ra tác động được thực hiện trên bối cảnh Việt Nam là vô cùng hạn chế. Thay vào đó, hầu hết các nghiên cứu về già hóa dân số hiện nay được thực hiện trên bối cảnh các nước đã phát triển. Mặc dù các nghiên cứu về kinh nghiệm già hóa ở các nước OECD rất có giá trị, nhưng những khác biệt về bối cảnh, về tốc độ già hóa, về mức thu nhập cũng như nền văn hóa của các quốc gia đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng so với các quốc gia phát triển khiến cho các nhà kinh tế đặt ra câu hỏi về phạm vi mà các kết quả từ các nước tiên tiến có thể được chuyển giao cho các quốc gia khác. Điều này ngụ ý rằng cần có thêm nhiều nghiên cứu và kiểm tra thực nghiệm cụ thể hơn cho các khu vực khác nhau và các quốc gia khác nhau để phát triển các chính sách phù hợp cho từng khu vực, từng đất nước. Do đó, việc có những phân tích đúng đắn về tình trạng già hóa dân số hiện nay ở Việt Nam cũng như những tác động của nó sẽ mang lại những tư liệu tham khảo rất quan trọng cho chính phủ Việt Nam trong việc thiết kế và thực hiện các chính sách và chiến lược để ứng phó với hiện tượng già hóa dân số.

Vì những lý do trên, việc chọn đề tài **“Nghiên cứu ảnh hưởng của già hóa dân số đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam”** được tác giả đánh giá là vô cùng cấp thiết nhằm lấp đầy vào khoảng trống nghiên cứu này. Đồng thời, nghiên cứu này có thể là cơ sở để hỗ trợ chính phủ Việt Nam và giúp họ đưa ra chính sách phù hợp nhằm góp phần kiểm soát tình trạng chuyển đổi cơ cấu dân số ở Việt Nam theo hướng tích cực nhất.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đề tài nghiên cứu ảnh hưởng của già hóa dân số đối với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam để từ đó đề xuất các hàm ý chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong bối cảnh già hóa dân số.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và các bằng chứng thực nghiệm về ảnh hưởng của già hóa dân số đối với tăng trưởng kinh tế.

- Phân tích thực trạng già hóa dân số ở Việt Nam và ảnh hưởng của già hóa dân số đối với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam thông qua các phương pháp nghiên cứu định lượng thích hợp.

- Đề xuất các hàm ý chính sách phù hợp để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong bối cảnh già hóa dân số nhằm tận dụng những tác động tích cực tiềm ẩn từ già hóa dân số và ngăn ngừa những tác động tiêu cực có thể có của già hóa dân số đối với tăng trưởng kinh tế.

3. Câu hỏi nghiên cứu

- Già hóa dân số ở Việt Nam đang diễn ra như thế nào?

- Già hóa dân số ảnh hưởng như thế nào đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam trong ngắn hạn và trong dài hạn?

- Các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam cần làm gì để tận dụng những tác động tích cực tiềm ẩn từ già hóa dân số và ngăn ngừa những tác động tiêu cực có thể có của già hóa dân số đối với tăng trưởng kinh tế?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận và thực tiễn về ảnh hưởng của già hóa dân số đối với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung: Đề tài nghiên cứu về già hóa dân số và ảnh hưởng của già hóa dân số đối với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

- Phạm vi về không gian: các nội dung nghiên cứu trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

- Phạm vi về thời gian: Thực trạng già hóa dân số và kết quả hoạt động kinh tế của Việt Nam được nghiên cứu trong giai đoạn từ năm 1975 đến năm 2017 và một số dữ liệu dự báo trong tương lai đến năm 2049.

5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cách tiếp cận

Đề tài nghiên cứu có cách tiếp cận và phân tích theo hướng thực nghiệm, chủ yếu là phương pháp phân tích thống kê và phân tích kinh tế định lượng (thông qua cách thức hồi quy theo chuỗi thời gian) nhằm tìm hiểu thực trạng già hóa dân số ở Việt Nam cũng như ảnh hưởng của hiện tượng già hóa dân số đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Đề tài chỉ sử dụng dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn tư liệu khác nhau để sử dụng cho việc nghiên cứu. Các nguồn tư liệu đó bao gồm: Các báo cáo về thực trạng già hóa dân số trên thế giới và ở Việt Nam cũng như các bài báo và công trình khoa học nghiên cứu về tác động của già hóa dân số lên các nền kinh tế trên thế giới. Các dữ liệu được dùng để phân tích định lượng dự định được lấy chủ yếu từ nguồn dữ liệu của Ngân hàng Thế giới (World Bank) và từ Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO Việt Nam), bao gồm các số liệu liên quan đến cấu trúc dân số và hoạt động kinh tế vĩ mô của Việt Nam.

- **Phương pháp phân tích:** phương pháp phân tích thống kê mô tả (Statistical analysis) như vẽ đồ thị, tính trung bình, vv... và phương pháp phân tích kinh tế định lượng.

+ *Phương pháp phân tích thống kê mô tả (Statistical analysis):* được sử dụng để phân tích thực trạng già hóa dân số và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Bằng việc chạy thống kê các bảng biểu và tạo ra các biểu đồ hình để mô tả các số liệu liên quan đến thực trạng về dân số và cụ thể hơn là nhóm người cao tuổi trong xã hội Việt Nam. Các số liệu có thể kể đến như: cơ cấu tuổi ở Việt Nam, số lượng và tỷ lệ người cao tuổi ở Việt Nam (bao gồm nhóm người trên 60 tuổi và nhóm người trên 65 tuổi), các chỉ số liên quan đến già hóa như chỉ số phụ thuộc người già, chỉ số già hóa, ... vv, các dự báo dân số trong tương lai. Bên cạnh đó, để tìm hiểu nguyên nhân đằng sau hiện tượng già hóa dân số đang diễn ra ở Việt Nam, tác giả cũng sử dụng một số chỉ tiêu được cho là nguyên nhân của hiện tượng này, bao gồm: tỷ lệ sinh, tỷ lệ chết, và tuổi thọ trung bình. Ngoài ra các phương pháp thống kê mô tả khác như vẽ đồ thị, tính phần trăm, ...

+ *Phương pháp phân tích kinh tế định lượng:* Được sử dụng để phân tích ảnh hưởng của hiện tượng già hóa dân số đối với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Vì đây là một nghiên cứu liên quan đến các chỉ số kinh tế vĩ mô, trải dài qua một khoảng thời gian, nên sẽ sử dụng cách thức phân tích kinh tế lượng phổ biến trong các nghiên cứu kinh tế hiện nay như nghiên cứu chéo xuyên khu vực (cross – sectional analysis), nghiên cứu hồi quy theo chuỗi thời gian (time series analysis), nghiên cứu bảng (panel data), ... tác giả nhận thấy phương pháp hồi quy theo chuỗi thời gian – times series regression analysis – là phù hợp hơn cả. Các thao tác cụ thể trong việc sử dụng phương pháp này sẽ được mô tả kĩ hơn trong nội dung chính của đề tài.

6. Những đóng góp chủ yếu của đề tài

Nghiên cứu này có lợi ích kinh tế - xã hội khi góp phần nâng cao nhận thức của người dân và chính phủ Việt Nam về vấn đề già hóa dân số cũng như giúp mọi người hình dung tác động của nó đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam với một kết quả định lượng cụ thể.

Kết quả nghiên cứu của đề tài còn là tài liệu tham khảo đối với các sở ban ngành trong việc thiết kế chính sách phù hợp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh già hóa dân số. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ đóng góp vào trong các nghiên cứu thuộc lĩnh vực tăng trưởng kinh tế và dân số, đặc biệt là già hóa dân số. Bên cạnh đó, nó có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo và đối chiếu cho các nghiên cứu tiếp theo sau này có các đề tài tương tự. Ngoài ra, nghiên cứu có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên và các giảng viên ngành Kinh tế, đặc biệt cho các môn học: Kinh tế phát triển; Dân số và phát triển, Kinh tế lao động...

7. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung chính của đề tài sẽ được trình bày theo cấu trúc 4 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về già hóa dân số và ảnh hưởng của già hóa dân số đối với tăng trưởng kinh tế

Chương 2: Phương pháp nghiên cứu

Chương 3: Kết quả nghiên cứu

Chương 4: Hàm ý chính sách

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ GIÀ HÓA DÂN SỐ VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA GIÀ HÓA DÂN SỐ ĐỐI VỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1.1. KHÁI QUÁT VỀ GIÀ HÓA DÂN SỐ VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1.1.1. Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế được định nghĩa là sự gia tăng trong sản lượng thực tế của một nền kinh tế trong một khoảng thời gian. Theo các lý thuyết kinh tế học vĩ mô, các yếu tố chính quyết định đến tăng trưởng kinh tế của một quốc gia bao gồm: Lượng vốn tư bản, Lao động, Tài nguyên thiên nhiên, Vốn con người và Công nghệ.

1.1.2. Dân số và già hóa dân số

Dân số là một trong những nhân tố quan trọng quyết định tăng trưởng của một quốc gia. *Già hóa dân số* đề cập đến quá trình thay đổi nhân khẩu học của một đất nước mà ở đó lượng người cao tuổi ngày càng tăng cao, cả về số lượng tuyệt đối lẫn tỷ lệ phần trăm (UN, 2015). Điều này dẫn tới một sự chuyển dịch dân số hướng về một cấu trúc già hơn về tuổi.

1.2. CÁC TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG CỦA GIÀ HÓA DÂN SỐ ĐỐI VỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Dựa trên nhiều tài liệu nghiên cứu tổng hợp được, tác giả đã tóm tắt các cơ chế mà dân số và già hóa có thể ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế thành năm kênh chính sau: tiết kiệm và tiêu dùng; cân bằng ngân sách chính phủ; cung lao động và năng suất.

1.2.1. Tác động của già hóa dân số đến tiết kiệm

1.2.2. Tác động của già hóa dân số đến tiêu dùng

1.2.3. Tác động của già hóa dân số đến cân bằng ngân sách chính phủ

1.2.4. Tác động của già hóa dân số đến nguồn cung lao động

1.2.5. Tác động của già hóa dân số đến năng suất

Các lý thuyết và bằng chứng từ các kênh này đều cho thấy già hóa dân số mang lại cả tác động tiêu cực và tích cực lên tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia. Nói cách khác, ngay cả từ các quan điểm lý thuyết, vẫn chưa có một kết luận chung nào về việc liệu hiện tượng già hóa dân số mà nhiều quốc gia trên thế giới đang trải qua sẽ làm suy giảm hay thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của một đất nước.

1.3. CÁC BẰNG CHỨNG THỰC NGHIỆM VỀ TÁC ĐỘNG CỦA GIÀ HÓA DÂN SỐ ĐỐI VỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Tương tự như kết luận không rõ ràng từ cuộc tranh luận trên lý thuyết về việc già hóa dân số gây suy giảm hay thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bằng chứng thực nghiệm về chủ đề này, cũng vẫn chưa đạt được kết quả thống nhất.

1.3.1. Các nghiên cứu ủng hộ quan điểm già hóa dân số có mối quan hệ tiêu cực với tăng trưởng kinh tế

1.3.2. Các nghiên cứu ủng hộ quan điểm già hóa dân số có tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế

1.3.3. Các nghiên cứu ủng hộ sự có mặt của cả tác động tích cực và tiêu cực của già hóa dân số lên tăng trưởng kinh tế

Một mặt, một số nhà khoa học cho rằng già hóa dân số sẽ có mối quan hệ tiêu cực với tăng trưởng kinh tế. Ngược lại, đã có những nghiên cứu ủng hộ kết luận rằng già hóa dân số thực sự thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Mặt khác, câu trả lời cho việc già hóa dân số sẽ nhất định cản trở hay thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đôi khi chưa thực sự rõ ràng. Một số nghiên cứu cho thấy sự có mặt đồng thời của cả hai tác động tích cực và tiêu cực. Nguyên nhân cho sự khác biệt trong các kết quả này có khả năng cao là do những khác biệt trong phương pháp nghiên cứu, các kênh để thông qua đó đánh giá tác động của già hóa dân số cũng như các đặc điểm của quốc gia được nghiên cứu.

Nói tóm lại, những cơ sở lý luận tác giả tổng hợp được ngụ ý rằng các lý luận về việc già hóa dân số có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của một quốc gia cũng như các bằng chứng thực nghiệm về vấn đề này chưa có sự thống nhất. Do đó, trong đề tài này, việc phát triển các giả thuyết để kiểm tra tác động của già hóa dân số đối với sự tăng trưởng của nền kinh

tế Việt Nam sẽ phụ thuộc rất nhiều vào mô hình kinh tế lượng mà tác giả chọn để áp dụng cho bối cảnh Việt Nam.

Chương 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. MÔ HÌNH KINH TẾ SỬ DỤNG CHO PHÂN TÍCH TÁC ĐỘNG CỦA GIÀ HÓA DÂN SỐ ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM

Sau một thời gian tìm hiểu các nghiên cứu trước đó, tác giả quyết định mô hình phù hợp nhất để sử dụng cho nghiên cứu này là mô hình được đề xuất bởi Li và Zhang (2015). Hai tác giả này đã tự phát triển một mô hình để kiểm tra tác động của già hóa dân số đối với sự tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc.

Bởi vì Trung Quốc và Việt Nam có rất nhiều điểm tương đồng về đặc điểm kinh tế cũng như quá trình già hóa; đồng thời hai quốc gia này là những nước láng giềng có khoảng cách rất gần về địa lý, có nền văn hóa và các chuẩn mực xã hội cũng như có cấu trúc về thể chế tương tự nhau, thế nên tác giả tin rằng sẽ không có nhiều khác biệt trong cách già hóa dân số sẽ ảnh hưởng đến các nền kinh tế này.

Sử dụng những lập luận của mình, Li và Zhang (2015) cho rằng có một mối quan hệ trong dài hạn tồn tại giữa ba biến số kinh tế vĩ mô sau: GDP bình quân đầu người, tỷ lệ phụ thuộc của người già và tỷ lệ tiết kiệm quốc gia. Do đó, họ đã đề xuất một mô hình kinh tế lượng tuyến tính log-linear sau đây để kiểm tra các mối quan hệ của họ:

$$\ln y_t = \delta_0 + \delta_1 s_t + \delta_2 d_t + \varepsilon_t.$$

trong đó: y , s và d lần lượt là sản lượng thực tế bình quân đầu người, tỷ lệ tiết kiệm quốc gia và tỷ lệ phụ thuộc của người già.

Vì vậy, tác giả quyết định cũng sẽ sử dụng mô hình này với ba biến số cụ thể này để đánh giá tác động của già hóa dân số (được thể hiện bằng sự gia tăng tỷ lệ phụ thuộc của người già) đối với sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

2.2. CÁC GIẢ ĐỊNH ĐẶT RA

Tác giả quyết định đề xuất các giả định sau đây, vốn tương tự như các kết luận trong bài báo của Li và Zhang (2015) để kiểm tra tác động tiềm năng của già hóa dân số đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam:

H1: Già hóa dân số có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong ngắn hạn.

H2: Cả già hóa dân số và tỷ lệ tiết kiệm đều ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng trong sản lượng bình quân đầu người của Việt Nam trong dài hạn.

H3: Tác động đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đến từ già hóa dân số lớn hơn so với tỷ lệ tiết kiệm trong nước.

2.3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.3.1. Dữ liệu sử dụng

Đề tài này sẽ chỉ sử dụng các số liệu thứ cấp (secondary data).

Đầu tiên, liên quan đến việc phân tích thực trạng già hóa dân số đang diễn ra ở Việt Nam, tác giả dự định sẽ thu thập các nguồn tư liệu và số liệu từ các báo cáo của các tổ chức và cá nhân trên thế giới cũng như Việt Nam về thực trạng già hóa dân số đang diễn ra trên thế giới

và Việt Nam. Các số liệu sẵn có thu thập được được xếp theo năm và trải dài từ khoảng thời gian 1975 – 2017.

Trong khi đó, đối với việc nghiên cứu tác động của già hóa dân số lên tăng trưởng kinh tế Việt Nam, tác giả sẽ thu thập các số liệu cần thiết để sử dụng cho mô hình nghiên cứu được chọn ở phần trước đó, bao gồm:

- lny_t : Giá trị logarit của tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người tính theo giá trị thực tế.
- s_t : tỷ lệ tổng tiết kiệm trong nước.
- d_t : tỷ lệ phụ thuộc của người già.

Các số liệu sẵn có có thể thu thập được cho các chỉ số này được sắp xếp theo năm và trải dài từ năm 1986 – 2016. Đối với các phân tích hồi quy theo chuỗi thời gian, một mẫu thử bao gồm 30 quan sát trên thực tế đã được coi là một mẫu thử đủ tốt.

Ba nguồn dữ liệu chính mà tác giả sẽ khai thác cho đề tài này bao gồm:

- Số liệu từ Kho dữ liệu của Tổ chức Liên Hợp Quốc (United Nations – UN data).
- Số liệu từ Kho dữ liệu của Tổ chức Ngân hàng Thế giới (World Bank – WB data).
- Số liệu từ Các báo cáo và sản phẩm thống kê từ Tổng cục thống kê Việt Nam (General Statistics Office of Vietnam).

Các dữ liệu này hoàn toàn có thể được truy cập trực tuyến thông qua trang web chính thức của các tổ chức này. Ngoài ra một số số liệu cũng có thể được trích trực tiếp hoặc gián tiếp từ một số bài báo và báo cáo nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu.

2.3.2. Phương pháp phân tích

Đầu tiên, một trong những vấn đề quan trọng nhất trong việc phân tích chuỗi dữ liệu hồi quy theo thời gian chính là việc kiểm định xem ba chuỗi dữ liệu theo thời gian của nghiên cứu: logarit của GDP thực tế bình quân đầu người, tỷ lệ tiết kiệm quốc gia và tỷ lệ phụ thuộc của người cao tuổi của chúng ta có tính dừng hay không (stationary or not). Chúng ta có thể thực hiện điều này thông qua bài kiểm định Dickey-Fuller mở rộng (Augmented Dickey Fuller test - ADF) để kiểm tra sự có mặt của nghiệm đơn vị.

Tuy nhiên, dựa trên nghiên cứu thực nghiệm của Li và Zhang (2015), tác giả đã luôn nghi ngờ rằng cả ba biến được xét trong nghiên cứu này sẽ chỉ có tính dừng ở sai phân bậc 1, nghĩa là chúng là các biến I (1). Đặc biệt, trong trường hợp này, dựa trên kết quả của Li và Zhang (2015), chúng ta có thể suy đoán rằng có thể có mối quan hệ đồng tích hợp (co-integrating relationship) giữa chúng, tức là: tồn tại mối quan hệ trong dài hạn giữa ba biến trên. Để xác định xem ba biến này có được đồng tích hợp hay không, chúng ta sẽ tuân theo quy trình Johansen. Nếu kiểm định Johansen thực sự gợi ý cho chúng ta rằng ba biến có sự đồng tích hợp, thì chúng ta có thể tiến hành phân tích bằng cách sử dụng mô hình vectơ hiệu chỉnh sai số (vector error correction model - VECM).

Tất cả các phân tích sẽ được thực hiện với sự trợ giúp của gói phần mềm thống kê STATA phiên bản 14.0.

Chương 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. THỰC TRẠNG GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM

Mặc dù là một trong số những quốc gia có tỉ lệ sinh tự nhiên cao, song người cao tuổi Việt Nam vẫn đã và đang gia tăng nhanh chóng cả về số lượng lẫn tỷ lệ. Trong vòng vài thập kỉ qua, cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của Việt Nam đã trải qua một sự thay đổi trong cấu trúc nhóm tuổi và chuyển dịch dần theo hướng ngày càng nhiều người già hơn. Đặc biệt, nhóm người cao tuổi được nhận thấy là đang gia tăng với tỷ lệ nhanh chóng hơn nhiều so với bất kỳ nhóm tuổi nào khác trong dân số. Nếu như vào năm 1975, lực lượng dân số từ 65 tuổi trở lên chỉ đạt khoảng 2,4 triệu người, chiếm 4,94% dân số cả nước; thì đến năm 2010, con số này đã tăng lên đến 5,7 triệu người, chiếm 6,55% tổng dân số; và đến năm 2017, số lượng người cao tuổi ở Việt Nam đã đạt tới 6,83 triệu người, tăng gần 3 lần so với năm 1975.

Như vậy, nếu lấy mốc 65 tuổi để xác định mức già hóa, có thể thấy Việt Nam đã bước vào giai đoạn “đang già hóa” từ năm 2016 với tỷ lệ gần 7% dân số nằm trong độ tuổi 65 trở lên. Tuy nhiên, thời điểm già hóa dân số này thậm chí còn sớm hơn nếu sử dụng độ tuổi 60 làm ngưỡng thời gian xác định nhóm người cao tuổi. Cụ thể, giai đoạn 2009 – 2016, nhóm người từ 60 tuổi trở lên đã gia tăng liên tục từ 7,6 triệu người vào năm 2009 (chiếm 8,93% dân số cả nước) lên đến khoảng 11,02 triệu người vào năm 2016 (chiếm gần 12% tổng số dân cả nước). Với cách tính này, Việt Nam đã bước vào giai đoạn “đang già hóa” sớm hơn rất nhiều.

Dự báo trong tương lai cho thấy: nhóm người cao tuổi (trên 65 tuổi) sẽ chạm tới khoảng 15,9 triệu dân (khoảng 14,9% dân số toàn quốc) vào năm 2039. Điều này hàm ý rằng Việt Nam sẽ chính thức chuyển giao sang một xã hội “đã già hóa” vào năm này. Như vậy, trong tương lai, dân số Việt Nam sẽ vẫn tiếp tục trải qua một sự chuyển đổi cơ cấu mạnh mẽ và nhanh chóng, theo xu hướng ngày càng có nhiều người già hơn trong xã hội Việt Nam.

3.2. PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA GIÀ HÓA DÂN SỐ ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM

3.2.1. Kết quả chạy mô hình kinh tế lượng

3.2.1.1. Kiểm định tính dừng

Kết quả chỉ ra rằng cả ba biến số: logarit của GDP thực tế trên đầu người, tỷ lệ phụ thuộc của người già và tỷ lệ tiết kiệm trong nước là không có tính dừng ở mức ban đầu, thậm chí khi ở mức ý nghĩa là 10%. Trong khi đó, khi tác giả tiến hành lấy sai phân bậc 1 của tất cả các chuỗi dữ liệu này và kiểm tra lại sự có mặt của nghiệm đơn vị thông qua các kiểm định ADF, chúng ta lại có thể có đủ bằng chứng để khẳng định rằng tất cả biến này đều có tính dừng ở mức ý nghĩa ít nhất 10%. Như vậy, mặc dù bản thân các chuỗi này không có tính dừng, sai phân bậc 1 của chúng lại tạo thành các chuỗi có tính dừng. Do đó, chúng ta có thể kết luận rằng ba biến này là các biến tích hợp bậc 1 (tức là: I(1)). Vì chúng được tích hợp cùng ở cùng một cấp bậc, chúng ta có thể nghi ngờ rằng chúng có thể có mối quan hệ đồng tích hợp. Do đó, chúng ta sẽ tiến hành kiểm định sự đồng tích hợp và tiến hành với mô hình véc tơ hiệu chỉnh sai số (VECM).

3.2.1.2. Kiểm định đồng tích hợp Johansen

Trước khi kiểm định đồng tích hợp Johansen có thể được tiến hành, trước tiên chúng ta cần tìm ra độ trễ tối ưu cho mô hình của chúng ta. Dựa trên tiêu chí thông tin, tác giả quyết định tiến hành kiểm định mô hình trong nghiên cứu, sử dụng cả ba mức độ trễ liên tiếp là 2, 3 và 4. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, mức độ trễ tối ưu được sử dụng cho cả bài kiểm định Johansen và mô hình VECM phải là mức độ trễ tối ưu được chọn từ mô hình VAR không bị ràng buộc trừ đi 1. Do đó, độ trễ tối ưu cuối cùng được sử dụng cho kiểm định đồng tích hợp của chúng ta thay vào đó sẽ là 1, 2 và 3 độ trễ.

Kết quả từ kiểm định đồng tích hợp Johansen chỉ ra rằng bất kể độ trễ tối ưu là 1, 2 hay 3, chúng ta luôn có thể bác bỏ giả thuyết rằng không có sự đồng hợp nào giữa các biến của chúng ta ở mức độ tin cậy 95%. Do đó, chúng ta có thể kết luận rằng tồn tại mối quan hệ lâu dài giữa giá trị log của sản lượng bình quân đầu người thực tế, tỷ lệ phụ thuộc tuổi già và tỷ lệ tiết kiệm cho dữ liệu của Việt Nam. Thế nên, chúng ta có thể xác nhận rằng các biến của chúng ta có sự đồng tích hợp. Điều này cho phép chúng ta tiến hành chạy mô hình vectơ hiệu chỉnh sai số.

3.2.1.3. Kiểm tra mối quan hệ thực nghiệm bằng mô hình véc tơ hiệu chỉnh sai số

Dựa trên mô hình ban đầu, chúng ta có thể xây dựng một mô hình hiệu chỉnh sai số như sau:

$$\Delta \ln y_t = \delta_0 + \sum_{i=1}^k \delta_i \Delta \ln y_{t-i} + \sum_{i=1}^k \alpha_i \Delta d_{t-i} + \sum_{i=1}^k \beta_i \Delta s_{t-i} + \gamma ec_{t-1} + \varepsilon_{yt}$$

Sau khi chạy mô hình vectơ hiệu chỉnh sai số trong STATA, tác giả chỉ tìm thấy kết quả mang ý nghĩa thống kê trong mô hình với 2 độ trễ. Do đó, chúng ta có thể kết luận rằng mô hình có mức độ trễ tối ưu là 2 là tốt nhất và sẽ được sử dụng làm mô hình cuối cùng của nghiên cứu.

Với mô hình này, tác giả có được phương trình ước tính sau. Cần lưu ý rằng kết quả được trình bày ở đây chỉ thể hiện các biến có ý nghĩa về mặt thống kê:

$$\Delta \ln y_t = 0,24 + 0,49 \Delta \ln y_{t-1} - 0,36 \Delta \ln y_{t-2} + 0,30 \Delta d_{t-1} - 0,39 \Delta d_{t-2} - 0,03 ec_{t-1}. \quad (1)$$

$$(0,008) \quad (0,205) \quad (0,178) \quad (0,139) \quad (0,177) \quad (0,011)$$

$$(0,002) \quad (0,017) \quad (0,044) \quad (0,033) \quad (0,026) \quad (0,017)$$

3.2.2. Phân tích kết quả mô hình và kết luận về giả định đặt ra

VECM cho phép chúng ta phân biệt mối quan hệ động giữa ba biến số của nghiên cứu trong ngắn hạn và dài hạn.

Kết quả từ phương trình (1) cho biết mối quan hệ này trong ngắn hạn. Trong ngắn hạn: Bản thân GDP thực tế bình quân đầu người bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi trong giá trị của chính nó ở năm trước và 2 năm trước nữa, đồng thời bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi trong tỷ lệ phụ thuộc của người già ở 1 và 2 thời kì trước. Trong khi mức độ trễ 1 có tác động tích cực đến biến động trong GDP thực tế trên đầu người, thì mức độ trễ thứ hai phản ánh một mối quan hệ

tiêu cực. Tuy nhiên, nhìn chung, độ lớn của các hệ số ngụ ý rằng tác động tiêu cực chi phối tác động tích cực, cho thấy già hóa dân số sẽ làm cho thu nhập thực tế bình quân đầu người giảm trong ngắn hạn. Điều này khẳng định giả định đầu tiên của nghiên cứu. Đó là kết quả ước tính của nghiên cứu chỉ ra rằng già hóa dân số, được phản ánh bởi sự gia tăng trong tỷ lệ phụ thuộc tuổi già sẽ có tác động tiêu cực đáng kể về mặt thống kê đối với sự tăng trưởng của sản lượng thực tế trên đầu người của Việt Nam trong ngắn hạn.

Trong khi đó, biến ec_{t-1} , được gọi là biến “sai số hiệu chỉnh” và hệ số của nó cho biết tốc độ điều chỉnh mà thông qua đó bất kỳ sự thay đổi trong ngắn hạn nào trong thu nhập thực tế trên đầu người có thể được điều chỉnh và hướng trở lại trạng thái cân bằng đồng tích hợp trong dài hạn tương ứng. Ở đây, kết quả ước tính chỉ ra rằng đối với bất kỳ sai lệch ngắn hạn nào về thu nhập thực tế trên đầu người so với trạng thái cân bằng dài hạn của nó, các sai số hiệu chỉnh này sẽ điều chỉnh chúng theo hướng ngược lại với tốc độ xấp xỉ 3% mỗi năm. Mặt khác, bản thân phương trình của sai số hiệu chỉnh hàm ý mối quan hệ đồng tích hợp dài hạn giữa GDP thực tế bình quân đầu người, tỷ lệ phụ thuộc tuổi già và tỷ lệ tiết kiệm. Các kết quả ước tính cho phương trình của biến sai số hiệu chỉnh như sau:

$$ec_t = \ln y_t - 0.55d_t - 0.04s_t - 10.75.$$

Từ phương trình trên, chúng ta có thể suy ra được mối quan hệ cân bằng dài hạn giữa thu nhập thực tế trên đầu người, tỷ lệ tiết kiệm trong nước và tỷ lệ phụ thuộc của tuổi già như sau:

$$\ln y_t = 10.75 + 0.55d_t + 0.04s_t. \quad (2)$$

$$(0.157) \quad (0.003)$$

$$(0.000) \quad (0.000)$$

Kết quả cho thấy: cả tỷ lệ phụ thuộc tuổi già và tỷ lệ tiết kiệm trong nước đều có mối quan hệ tích cực và có ý nghĩa thống kê với thu nhập bình quân đầu người thực tế trong nền kinh tế Việt Nam. Cụ thể hơn, với tất cả các yếu tố khác không đổi, tỷ lệ phụ thuộc người cao tuổi trong dân số Việt Nam sẽ tăng khoảng 0,55% thu nhập thực tế bình quân đầu người trong dài hạn. Trong khi đó, tỷ lệ tiết kiệm quốc gia tăng 1% sẽ giúp gia tăng thu nhập bình quân đầu người thực tế cho nền kinh tế Việt Nam thêm 0,04%. Điều này khẳng định rằng trong trạng thái cân bằng dài hạn, cả già hóa dân số và tiết kiệm đều đóng góp vào tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Ngoài ra, hệ số tỷ lệ phụ thuộc tuổi già được chứng minh là lớn hơn so với tỷ lệ tiết kiệm, ngụ ý rằng tỷ lệ phụ thuộc tuổi già có tác động lớn hơn đến tăng trưởng thu nhập thực tế trên đầu người so với tỷ lệ tiết kiệm. Do đó, chúng ta có thể xác nhận hai giả định còn lại mà chúng ta đã đặt ra trong chương 2: cả già hóa và tiết kiệm dân số sẽ đóng góp cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong dài hạn nhưng sự đóng góp của già hóa dân số là lớn hơn tỷ lệ tiết kiệm quốc gia.

3.3. TỔNG KẾT VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA GIÀ HÓA DÂN SỐ ĐỐI VỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM

Những phát hiện của tác giả đã đưa ra câu trả lời thích hợp cho câu hỏi nghiên cứu mà tác giả đặt ra ngay từ đầu với kết luận rằng: Già hóa dân số có ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong ngắn hạn, nhưng có thể giúp thúc đẩy sự phát triển của đất nước trong dài hạn.

Vì trong ngắn hạn, các tác động của già hóa dân số với việc làm giảm tổng cầu của nền kinh tế và làm giảm sút nguồn cung lao động thường mang đến nhiều tác động tiêu cực hơn. Trong khi đó, tác động tích cực của hiện tượng già hóa dân số, xuất phát từ sự thay đổi hành vi trong việc tham gia lực lượng lao động, tiết kiệm và năng suất lao động thuộc vào một quá trình lâu dài hơn. Hơn nữa, mỗi quốc gia, với những đặc điểm riêng biệt của mình dĩ nhiên sẽ chịu các tác động từ già hóa dân số một cách khác nhau. Đối với nền kinh tế Việt Nam, hiện tượng già hóa dân số có thể mang lại những tác động tích cực lâu dài lên sản lượng vì:

Trước tiên, những dữ liệu được sử dụng cho đến nay chỉ phản ánh tình trạng già hóa hiện nay ở Việt Nam và mặc dù quá trình già hóa đang diễn ra rất nhanh ở Châu Á nói chung cũng như ở Việt Nam nói riêng, mức độ già hóa đang diễn ra vẫn chưa quá sâu và nghiêm trọng, đặc biệt là khi so với các quốc gia phát triển - nơi mà hầu hết các nhà kinh tế đã tìm thấy những tác động tiêu cực từ già hóa dân số. Thứ hai, hầu hết các dự đoán về tác động tiêu cực của già hóa dân số đối với tăng trưởng kinh tế thường không xem xét đến sự tham gia vào lực lượng lao động và tiết kiệm của người cao tuổi. Tuy nhiên, đây lại thực sự là những giả định phù hợp hơn cho nền kinh tế Việt Nam bởi vì vẫn còn nhiều người cao tuổi ở Việt Nam vẫn còn có các hoạt động kinh tế. Bên cạnh đó, người cao tuổi ở Việt Nam thường có một số tiền tiết kiệm nhất định, vốn là một giả định chính khác trong mô hình của chúng ta. Đồng thời, già hóa dân số có thể giúp cải thiện năng suất cho Việt Nam do nó góp phần tạo nên động lực mạnh mẽ hơn cho việc đầu tư vào nguồn nhân lực. Tóm lại, những đặc điểm riêng biệt đặc trưng cho cơ cấu nhân khẩu học và nền kinh tế Việt Nam có thể phần nào cung cấp một số giải thích cho kết quả của nghiên cứu này.

Từ những phát hiện mà tác giả đã tìm ra được với dữ liệu của Việt Nam, tác giả nhận thấy rằng nghiên cứu này đã mang lại kết quả giống với bài báo được thực hiện bởi Li và Zhang (2015). Những kết quả này cũng phần nào phù hợp với kết luận về mối quan hệ không đơn điệu của Hashimoto và Tabata (2010).

Ở một khía cạnh nào đó, bằng chứng thực nghiệm mà tác giả thu thập được từ trường hợp của Việt Nam ủng hộ quan điểm và kết luận rằng già hóa dân số tạo ra cả tác động tích cực và tiêu cực đến nền kinh tế.

Chương 4. HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Dựa trên những phát hiện mà nghiên cứu phát hiện ra được và dựa vào các đặc điểm cụ thể của nền kinh tế Việt Nam, tác giả tin rằng các chính sách sau đây sẽ phù hợp và nên được sử dụng để giảm thiểu hậu quả bất lợi tiềm ẩn, đồng thời tận dụng được tối đa những đóng góp tích cực từ già hóa dân số ở Việt Nam:

4.1. KHUYẾN KHÍCH NGƯỜI LỚN TUỔI TIẾP TỤC THAM GIA LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

Như đã trình bày ở trên, già hóa dân số có thể mang lại tác động tiêu cực trong ngắn hạn, xuất phát từ việc thiếu hụt nguồn cung lao động trong tương lai. Do đó, để bù đắp cho sự thiếu hụt tiềm năng trong nguồn cung lao động này cũng như góp phần tận dụng thêm những lợi ích từ dân số già, chính phủ Việt Nam cần phải có những cải cách và thực hiện các biện pháp để có thể kích thích và khuyến khích sự tiếp tục tham gia vào lực lượng lao động của những người lao động lớn tuổi. Một khuyến nghị sẽ là tăng tuổi nghỉ hưu - vốn trong thực tế thực sự đã được xem xét và thông qua bởi Quốc hội tại thời điểm này. Tương tự, thay đổi các ưu đãi hưu trí, ví dụ như: sắp xếp việc làm cho người cao tuổi linh hoạt hơn có thể khuyến khích người lao động kéo dài sự tham gia lao động của họ. Các đề xuất khác bao gồm việc cung cấp các chương trình phúc lợi tốt hơn cho người lao động cao tuổi hoặc cung cấp các khóa đào tạo để liên tục nâng cao kỹ năng cho người lao động cao tuổi. Ngoài ra, chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương cần tiến hành thực hiện một số nỗ lực về mặt pháp lý lẫn văn hóa xã hội để thay đổi thái độ của xã hội nhằm giúp loại bỏ sự phân biệt tuổi tác tại nơi làm việc và gia tăng cơ hội việc làm cũng như quyền lợi cho người lao động cao tuổi.

Bên cạnh sự tham gia của lực lượng người cao tuổi, sự tham gia của phụ nữ trong lực lượng lao động cũng rất quan trọng. Các đạo luật chống phân biệt giới tính và các chính sách tạo điều kiện cho các bà mẹ đi làm như cho phép giờ làm linh hoạt hơn hoặc có các hỗ trợ trong việc chăm sóc trẻ em và nghỉ thai sản có thể giúp mở ra nhiều cơ hội làm việc cho người phụ nữ.

4.2. TĂNG CƯỜNG ĐẦU TƯ VÀO NGUỒN VỐN NHÂN LỰC

Một chính sách khác nên được thực thi nhằm đối phó với các tác động từ già hóa dân số chính là đầu tư vào nguồn vốn nhân lực thông qua đào tạo và giáo dục, từ đó sẽ giúp cải thiện năng suất của nền kinh tế. Chính phủ Việt Nam cần chú trọng hơn vào việc củng cố và mở rộng hệ thống giáo dục và đào tạo hiện nay để đảm bảo mức độ phổ cập giáo dục đạt được là cao hơn, đặc biệt là ở khu vực nông thôn và miền núi. Bên cạnh đó, cần ban hành các chính sách để nâng cao chất lượng giáo dục ở bậc Trung học và Đại học, chú trọng vào chất lượng và thực hành thay vì số lượng và thành tích. Ngoài ra, thay vì quá chú trọng vào việc lấy bằng đại học như hiện nay, Việt Nam nên có một sự tái cơ cấu lại hệ thống giáo dục đại học ở cấp quốc gia để tập trung hỗ trợ và chú trọng phát triển hơn cho việc đào tạo nghề cũng như các kỹ năng và thay đổi các quan niệm của người dân về việc học nghề. Đặc biệt, để đáp ứng nhu cầu về các lao động kỹ năng cao và có chuyên môn trong việc chăm sóc sức khỏe và đời sống cho người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay và trong tương lai, Việt Nam phải có thêm các chính sách trong giáo dục và đào tạo để nhấn mạnh hơn đến việc phát triển kỹ năng cho lao động ở các lĩnh vực liên quan đến y tế và chăm sóc sức khỏe.

4.3. HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI CAO TUỔI

Đề đối phó với hiện tượng già hóa dân số, một điều rất quan trọng đối với chính phủ Việt Nam đó là cần tập trung hơn vào các chính sách liên quan đến sức khỏe, nhất là sức khỏe của người cao tuổi. Việt Nam đang rất cần phát triển một hệ thống chăm sóc sức khỏe tốt hơn để kiểm soát các bệnh tật và khuyết tật của người già, đồng thời giúp cải thiện sức khỏe của người cao tuổi. Việc phát triển một hệ thống chăm sóc sức khỏe chất lượng, với những cơ sở y tế chuyên về lão khoa; cũng như đào tạo nguồn nhân lực cho việc chăm sóc người cao tuổi là vô cùng cần thiết. Để thực hiện các chính sách này, chính phủ Việt Nam cần dành nhiều nguồn lực hơn để xây dựng và mở rộng các mạng lưới cơ sở y tế hiện tại cho chăm sóc sức khỏe; đồng thời phát triển một hệ thống thống nhất trên toàn quốc các trung tâm chăm sóc sức khỏe và điều dưỡng cho người cao tuổi. Điều đặc biệt quan trọng cần phải lưu ý là chính phủ cần phải gia tăng khả năng tiếp cận của các cơ sở này, và đặc biệt cần chú ý đến các nhóm người già đặc biệt khó khăn thiệt thòi và dễ bị tổn thương như những người cao tuổi ở khu vực nông thôn hoặc miền núi.

4.4. PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG BẢO TRỢ XÃ HỘI

Cuối cùng, ngoài việc cải thiện về sức khỏe, các chính sách về dân số của chính phủ còn cần phải hướng tới chất lượng của cuộc sống người già, cụ thể là đặt mục tiêu phấn đấu cho người già có một cuộc sống lành mạnh hơn. Điều cần thiết bây giờ là chính phủ Việt Nam phải phát triển một hệ thống bảo trợ xã hội hiệu quả hơn, phù hợp hơn với các chính sách xây dựng và phát triển của các tổ chức tài chính trong đất nước. Cụ thể, rất khuyến nghị khi Việt Nam có thể cung cấp một chương trình chuyển nhượng xã hội toàn diện hơn và một hệ thống lương hưu công cộng cho người cao tuổi. Đồng thời, chính quyền cũng nên phát triển một hệ thống bảo hiểm, đặc biệt là bảo hiểm nhân thọ. Quan trọng nhất là, các chính sách an sinh xã hội này phải được thiết kế theo một cách nào đó để làm sao không kích thích khiến cho lao động quyết định nghỉ hưu ở độ tuổi sớm hoặc không làm giảm động cơ làm việc lâu dài hơn của người lao động. Ngoài ra, có thể phát triển thêm các mô hình nhà dưỡng lão phù hợp với bối cảnh văn hóa của người Việt Nam để đáp ứng nhu cầu nơi ở và chăm sóc chất lượng cho những người cao tuổi, đặc biệt là những người già neo đơn.

KẾT LUẬN

Già hóa dân số hiện nay đã trở thành một hiện tượng phổ biến trên toàn thế giới. Giống như các quốc gia đã phát triển và đang phát triển khác, Việt Nam cũng đang trải qua một xu hướng tương tự về nhân khẩu học, với tốc độ và quy mô vô cùng đáng kinh ngạc. Vì vậy, các nghiên cứu để tìm hiểu về tác động của già hóa dân số đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam cũng như các cải cách chính sách để đối phó với hiện tượng này được đánh giá là vô cùng cần thiết. Do đó, đề tài này của tác giả sẽ cố gắng lấp đầy khoảng trống trong nghiên cứu này và có thể giúp đóng góp cho các nghiên cứu hiện tại liên quan đến chủ đề già hóa dân số.

Nghiên cứu của tác giả đã mô tả thực trạng già hóa dân số đang diễn ra ở Việt Nam thông qua phương pháp thống kê mô tả. Đồng thời, đã phân tích đánh giá ảnh hưởng của hiện tượng già hóa dân số đối với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cả trong ngắn hạn và dài hạn, Các dữ liệu được sử dụng cho cả hai phần trên nằm trong khoảng từ năm 1975 đến 2017 và có thể được thu thập từ các cơ sở dữ liệu công cộng như tổ chức Liên Hợp Quốc, Ngân hàng Thế giới và Tổng cục thống kê Việt Nam. Kết quả của nghiên cứu cho thấy: Trong khi già hóa - được biểu thị bằng một tỷ lệ cao hơn trong sự phụ thuộc của người cao tuổi - ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong ngắn hạn, nó thực ra lại có thể giúp thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế trong dài hạn. Trong số các nghiên cứu hiện tại về chủ đề tương tự, phát hiện của tác giả ủng hộ quan điểm rằng già hóa dân số có thể có cả tác động tiêu cực và tích cực đến sự phát triển của một quốc gia. Vì vậy, để có thể tận dụng những lợi ích tiềm năng như trên và giảm thiểu những hậu quả bất lợi được xác định từ kết quả của nghiên cứu, tác giả đã đề xuất bốn giải pháp chính về cải cách chính sách. Những khuyến nghị bao gồm các biện pháp để cải thiện tỷ lệ tham gia lực lượng lao động, các chính sách giúp gia tăng nguồn vốn nhân lực thông qua giáo dục và đào tạo, các chính sách về y tế và hệ thống an sinh xã hội. Tác giả tin rằng những cải cách này sẽ giúp ích cho Việt Nam trong việc thích nghi thành công với việc dân số đang không ngừng già hóa.

Liên quan đến những hạn chế trong đề tài nghiên cứu và hướng nghiên cứu tiếp theo, trước hết, giới hạn về mặt thời gian được cho phép trong nghiên cứu này khiến bất kỳ mô hình nào quá phức tạp như mô hình. Do đó, với thời gian được cho phép nhiều hơn, sẽ rất tốt nếu cùng một câu hỏi nghiên cứu của đề tài này có thể được kiểm tra bằng các mô hình và phương pháp lượng phức tạp hơn, và thêm vào nhiều giả định có khả năng khác. Hơn nữa, do giới hạn trong nguồn dữ liệu thứ cấp mà tác giả sử dụng chỉ cho phép nghiên cứu này có khoảng hơn 30 quan sát và chỉ phản ánh giai đoạn già hóa hiện tại ở Việt Nam vốn vẫn chưa sâu lắm. Do đó, việc kiểm tra lại mối quan hệ này trong tương lai khi có nhiều dữ liệu hơn về nền kinh tế Việt Nam và khi già hóa dân số ở Việt Nam đã gia tăng hơn có thể là một ý tưởng không tồi. Bên cạnh đó, có rất nhiều biến số nhân khẩu học khác có thể phản ánh hiện tượng già hóa của dân số nên việc thực hiện một nghiên cứu khác về tác động của già hóa dân số bằng cách sử dụng các biến nhân khẩu học này rất được khuyến nghị. Ngoài ra, do tỷ lệ già hóa thực ra có sự khác biệt rõ rệt giữa các tỉnh và các vùng khác nhau của Việt Nam, sẽ rất thú vị khi có các nghiên cứu sau này tiến hành kiểm tra tác động của hiện tượng già hóa dân số đối với các khu vực và tỉnh – thành khác nhau; cũng như nghiên cứu các nguyên sự khác biệt này để giúp cho chính phủ có thể phát triển các chính sách phù hợp với từng khu vực, từng tỉnh - thành. Cuối cùng, việc tiến hành thêm nhiều các phân tích định lượng hơn để tìm hiểu những tác động có thể có của mỗi một thay đổi chính sách đối với cơ cấu nhân khẩu học và nền kinh tế của Việt Nam là rất được khuyến nghị.

Tuy nhiên, với giới hạn thời gian và giới hạn của lượng dữ liệu sẵn có cũng như với trình độ chuyên môn hiện tại của tác giả, tác giả tin rằng phương pháp và kết quả tác giả sử

dụng và tìm ra được trong nghiên cứu của đề tài là phù hợp, có độ tin cậy và có chất lượng phù hợp.